TÒA ÁN ND TP.THÁI NGUYÊN **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 649/2018/QĐST-HNGĐ	*Thái Nguyên, ngày 29 tháng 11 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 794/2018/TLST/HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2018, giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Phương Đ, sinh năm 1985.
Nơi cư trú: Xóm Đ, phường B, thành phố TH, tỉnh Thái Nguyên.

Bị đơn: Anh Phạm Anh V, sinh năm 1982.
Nơi cư trú: Tổ L, phường T, thành phố TH, tỉnh Thái Nguyên.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13, ngày 25 tháng 11 năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 21 tháng 11 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 21 tháng 11 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Phương Đ và anh Phạm Anh V.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Phương Đ và anh Phạm Anh V nhất trí thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Có 02 con chung là Phạm Bảo L, sinh ngày 30/11/2008 và Phạm Minh K, sinh ngày 10/10/2012. Khi ly hôn các đương sự thỏa thuận chị Đ là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Phạm Bảo L, anh V là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Phạm Minh K cho đến khi các con chung thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Chị Đ, anh V đều có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. Về tài sản chung: Chị Đ và anh V tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ chung: Chị Đ và anh V xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về án phí: Chị Đ tự nguyện nộp 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006956 ngày 02/11/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên. Hoàn trả cho chị Đ 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TN;
- VKSND tỉnh TN;
- VKSND TPTN;
- T.H.A DS TPTN;
- Các đương sự;
- UBND phường Trung Thành;
- Lưu HS.

THẨM PHÁN

Trương Thị Thanh Trúc